

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Danh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Dũng và ông Ngô Đình Tư

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: bà Cao Thị Vân – Thẩm tra viên

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Nghệ An tham gia phiên
tòa:*** Ông Nguyễn Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Nghệ An xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2025/TLST- DS ngày 06 tháng 10 năm 2025 về: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2026/QĐST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2026/QĐST-DS ngày 31/3/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Hoàng Thị L**, sinh năm 1963 (có đơn xin vắng mặt)

Trú tại: xóm E, xã T, tỉnh Nghệ An

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Trú tại: xóm E, xã T, tỉnh Nghệ An

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông **Thái Bá C**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Trú tại: xóm E, xã T, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà **Hoàng Thị L** trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết là người cùng làng với nhau nên vào tháng 9/2019, chị **Nguyễn Thị T** đến nhà vay bà số tiền 180 triệu đồng, do tin tưởng nên bà đã đi vay tiền về để đưa cho chị **T**. Chị **T** là người trực tiếp đến vay tiền và lấy tiền. Hết thời hạn đã hẹn mà chưa trả được nợ nên sau đó chị **T** và chồng là **Thái Bá C** đến nhà bà viết Giấy vay tiền trên mẫu có sẵn có sự chứng kiến của ông **Thái N** là chồng bà. Ông **C** và ông **N** chỉ ký giấy tờ chứ không chứng kiến trực tiếp việc vay tiền giữa bà và chị **T**. Vào ngày 13/01/2020, chị **T** viết Giấy khất nợ ghi nhận việc đang nợ bà số tiền 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng, hẹn đến ngày 30/6/2020 sẽ trả nợ và ký tên điểm chỉ vào. Nhưng

sau đó thì chị **T** bỏ nhà đi mà không trả nợ cho bà. Vì vậy, bà khởi kiện đề nghị Tòa án buộc chị **Nguyễn Thị T** phải trả số tiền nợ gốc là 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng và không yêu cầu tiền lãi suất. Hiện nay cả anh **Thái Bá C** cũng đã bỏ đi khỏi địa phương, ông **Thái N** chồng bà chỉ chứng kiến việc viết giấy vay tiền nên bà không yêu cầu hai người này trong vụ án này, đề nghị Tòa án giải quyết việc **K** đòi nợ giữa bà và chị **Nguyễn Thị T**.

- Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và được **công an xã T** cung cấp: Bà **Nguyễn Thị T** và ông **Thái Bá C** đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại **xóm E, xã D, huyện D (nay là xóm N, xã T), tỉnh Nghệ An**, hiện nay cả bà **T** và ông **C** đều không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không biết rõ. Toà án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan triệu tập đến Toà án nhân dân Khu vực 3 – Nghệ An để giải quyết việc bà **Hoàng Thị L** yêu cầu trả nợ nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có các văn bản thể hiện ý kiến phản hồi cũng như tài liệu để chứng minh cho nội dung đã trình bày của mình.

Tại bản kết luận giám định số 06/KL-KTHS(DD3-TL) ngày 09/02/2026 kết luận: “*Dấu vân tay in tại chữ ký, chỉ viết “**Nguyễn Thị T**” dưới mục “BÊN VAY” trên “GIẤY VAY TIỀN” ký hiệu A1; dấu vân tay in bên phải chữ ký, chữ viết “**Nguyễn Thị T**” dưới mục “Người khát nợ” trên “GIẤY KHÁT NỢ” ký hiệu A2 so với dấu vân tay in tại ô “Ngón trỏ phải” trên “TỜ KHAI CHỨNG MINH NHÂN DÂN” số 186185611, họ tên: **Nguyễn thị T**, sinh ngày 03/4/1983, đề ngày 08/4/2002 ký hiệu M là do cùng một người in ra*”.

Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.200.000 (năm triệu hai trăm nghìn) đồng theo Phiếu thu ngày 10/02/2026 của **Phòng K1 Công An tỉnh N**. Nguyên đơn đã nộp đầy đủ và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; nguyên đơn, chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 161; Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463, 465, 466, 470 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà **Nguyễn Thị T** có nghĩa vụ trả cho bà **Hoàng Thị L** số tiền nợ gốc 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng, không tính lãi suất.

Về chi phí tố tụng: buộc bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn chi phí giám định chữ viết, chữ ký đã nộp là 5.200.000 (*năm triệu hai trăm nghìn*) đồng.

Án phí: bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Tranh chấp giữa bà **Hoàng Thị L** và bà **Nguyễn Thị T** được quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà **Nguyễn Thị T** có địa chỉ cư trú tại **xóm N, xã T, tỉnh Nghệ An**. Căn cứ vào Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Nghệ An.

- *Về việc xác định tư cách tố tụng của đương sự:*

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn xác định việc vay tiền diễn ra trước thời điểm ký xác lập Giấy vay tiền và sau này bà **Nguyễn Thị T** có trực tiếp viết và ký thêm Giấy khát nợ để nhận nợ, bà yêu cầu **Nguyễn Thị T** là người trực tiếp vay và nhận tiền thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Tòa án xác định và triệu tập ông **Thái Bá C** (chồng bà **T**) tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

- *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:* Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Toà án tổng đạt và niêm yết hợp lệ giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Bà **Hoàng Thị L** khởi kiện yêu cầu bà **Nguyễn Thị T** trả số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng và không yêu cầu tiền lãi ghi trong Giấy vay tiền không đề

ngày 27/9/2019 và Giấy khất nợ đề ngày 13/01/2020 có xác định thời hạn trả nợ. Điều 463 quy định: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.*”

Giấy vay tiền giữa bà **Hoàng Thị L** và bà **Nguyễn Thị T** là loại Hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi và đã đến hạn mà bên vay không thực hiện trả nợ nên bên cho vay có quyền đòi lại tài sản. Kết quả giám định cũng đã kết luận bà **Nguyễn Thị T** là người chấm dấu vân tay vào “*Giấy vay tiền*” và “*Giấy khất nợ*”. Vì vậy việc khởi kiện đòi nợ bà **Nguyễn Thị T** của bà **Hoàng Thị L** là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự nên có căn cứ chấp nhận. Như vậy, bà **Nguyễn Thị T** phải trả cho bà **Hoàng Thị L** 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng tiền nợ gốc.

Về tiền lãi: không yêu cầu nên miễn xét.

[3] Về chi phí tố tụng: Bà **Hoàng Thị L** đã nộp đủ chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.200.000 (năm triệu hai trăm nghìn) đồng theo Phiếu thu ngày 10/02/2026 của **Phòng K1 Công An tỉnh N**. Yêu cầu của bà **Hoàng Thị L** có căn cứ được chấp nhận nên bị đơn phải nộp chi phí giám định theo quy định tại Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, buộc bà **Nguyễn Thị T** phải hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ chi phí giám định.

[4] Về án phí: bà **Nguyễn Thị T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 227; Điều 228; Điều 26; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 470 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Hoàng Thị L**.

1. Về yêu cầu trả nợ: Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng Thị L số tiền nợ gốc 180.000.000 (*một trăm tám mươi triệu*) đồng. Không yêu cầu tiền lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị T phải hoàn trả lại cho bà Hoàng Thị L 5.200.000 (*năm triệu hai trăm nghìn*) đồng tiền chi phí giám định.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 9.000.000 (*chín triệu*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 3;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Danh H